

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 02-7-2021  
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Bà Trần Thị Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Tạ Thị Bích T**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông **Danh H**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Bích T trình bày:**

Bà và ông H tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2003. Chung sống với nhau được thời gian thì hai người mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Ngã Năm (nay thị xã Ngã Năm) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/8/2010. Thời gian đầu hai người chung sống với nhau rất hạnh phúc và có hai con chung tên Danh Văn T, sinh ngày 30/10/2004 và Danh T, sinh

ngày 15/10/2010, hiện con đang sống chung với bà. Thời gian sau thì giữa bà với ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống hiện hai người đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Nay nhận thấy, tình cảm giữa bà với ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H.

- Về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 đứa con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: bà không yêu cầu giải quyết.

**\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021 và tại phiên tòa bị đơn ông Danh H trình bày:**

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Giữa ông với bà T trước đây là do mai mối nên mới biết nhau, sau đó hai người mới làm đám cưới và tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau. Trước đây ông có thường xuyên uống rượu và có vài lần lỡ tay đánh bà T. Ngoài ra, thì trong cuộc sống gia đình hằng ngày không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Bà T hiện đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, từ khi đi đến nay bà T không có quan tâm gì đến ông. Về con chung là cháu T đã bỏ học từ năm lớp 6 và hiện đang đi làm thuê cùng với bà T, còn cháu T thì đang ở cùng ông để đi học. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tùy theo con, theo ai thì người đó nuôi, không có ép buộc con. Nhưng ông cũng có nguyện vọng được nuôi cháu T, còn cháu T thì ông đồng ý giao cho bà T. Ông không có yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

*\* Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông H; về con chung, đề nghị HĐXX giao con chung tên T cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung tên T cho ông H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà T và ông H, không ai được ngăn cản bà T và ông H thực hiện quyền này. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### - Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đồng thời bị đơn có địa chỉ tại Ấp L, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt). Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

### - Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Long, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/8/2010. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 96/2010 (BL 11) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nay nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bị đơn thừa nhận cũng có hành vi bạo lực đối với nguyên đơn, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ đó, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 đứa con chung tên Danh Văn T, sinh ngày 30/10/2004 và Danh T, sinh ngày 15/10/2010. Hiện cháu T đang ở cùng với nguyên đơn, còn cháu T đang sinh sống với bị đơn. Nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi hai đứa con chung. Bị đơn, tùy theo con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi. Nhưng bị đơn có nguyện vọng được nuôi cháu T, còn cháu T bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì cháu T đang đi làm thuê cùng với nguyên đơn nên việc giao cháu T cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Đối với cháu T thì hiện đang sinh sống với bị đơn ở ấp L, xã T, thị xã N. Đồng thời, cháu T đang là học sinh của Trường tiểu học Tân Long. Trường hợp giao cháu T cho nguyên đơn sẽ làm thay đổi môi trường sống của cháu cũng như việc học của cháu T. Ngoài ra, nguyên đơn cũng đang đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T sẽ không thuận tiện. Do đó, HĐXX thiết nghĩ giao cháu T cho bị đơn nuôi dưỡng đến

tuổi trưởng thành là phù hợp với điều kiện của cháu T hiện nay. Dành quyền cho nguyên đơn và bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Nguyên đơn bà Tạ Thị Bích T được ly hôn với bị đơn ông Danh H.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Danh Văn T, sinh ngày 30/10/2004 cho bà Tạ Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Giao con chung tên Danh T, sinh ngày 15/10/2010 cho ông Danh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền cho bà T và ông H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở bà T và ông H thực hiện quyền này.

**3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

**4. Về tài sản chung, về nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:** Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

**5. Về án phí:** Nguyên đơn bà Tạ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007618 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**6. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Tân Long, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Phước Toàn**